



Confucius Institute for Business London, LSE

Transportation

By Li Man



交(jiāo)通(tōng)工(gōng)具(jù)

□ 地(dì)铁(tiě)

地(dì)铁(tiě)站(zhàn)



□ 公(gōng)共(gòng)汽(qì)车(chē)

公(gōng)共(gòng)汽(qì)车(chē)站(zhàn)



□ 飞(fēi)机(jī)

飞(fēi)机(jī)场(chǎng)



交(jiāo)通(tōng)工(gōng)具(jù)

- 火(huǒ)车(chē)
火(huǒ)车(chē)站(zhàn)
- 船(chuán)
码(mǎ)头(tóu)
- 汽(qì)车(chē)



To Take & To Drive

□ 坐(zuò)

□ 开(kāi)



□ 红(hóng)绿(lǜ)灯(dēng)



□ 人(rén)行(xíng)横(héng)道(dào)



□ 十(shí)字(zì)路(lù)口(kǒu)



□ 丁(dīng)字(zì)路(lù)口(kǒu)



怎(zěnn)么(me)走(zǒu)-How to get to...?

□ 直(zhí)走(zǒu)



□ 过(guò)马(mǎ)路(lù)



□ 往(wǎng)左(zuǒ)拐(guǎi)



怎(zěnn)么(me)走(zǒu)-How to get to...?

□ 往(wǎng)右(yòu)拐(guǎi)

□ 掉(diào)头(tóu)

□ 到(dào)了(le), 请(qǐng)停(tíng)车(chē)



□ 发(fā)票(piào)



□ 公(gōng)交(jiāo)卡(kǎ)



地(dì)铁(tiě)图(tú)



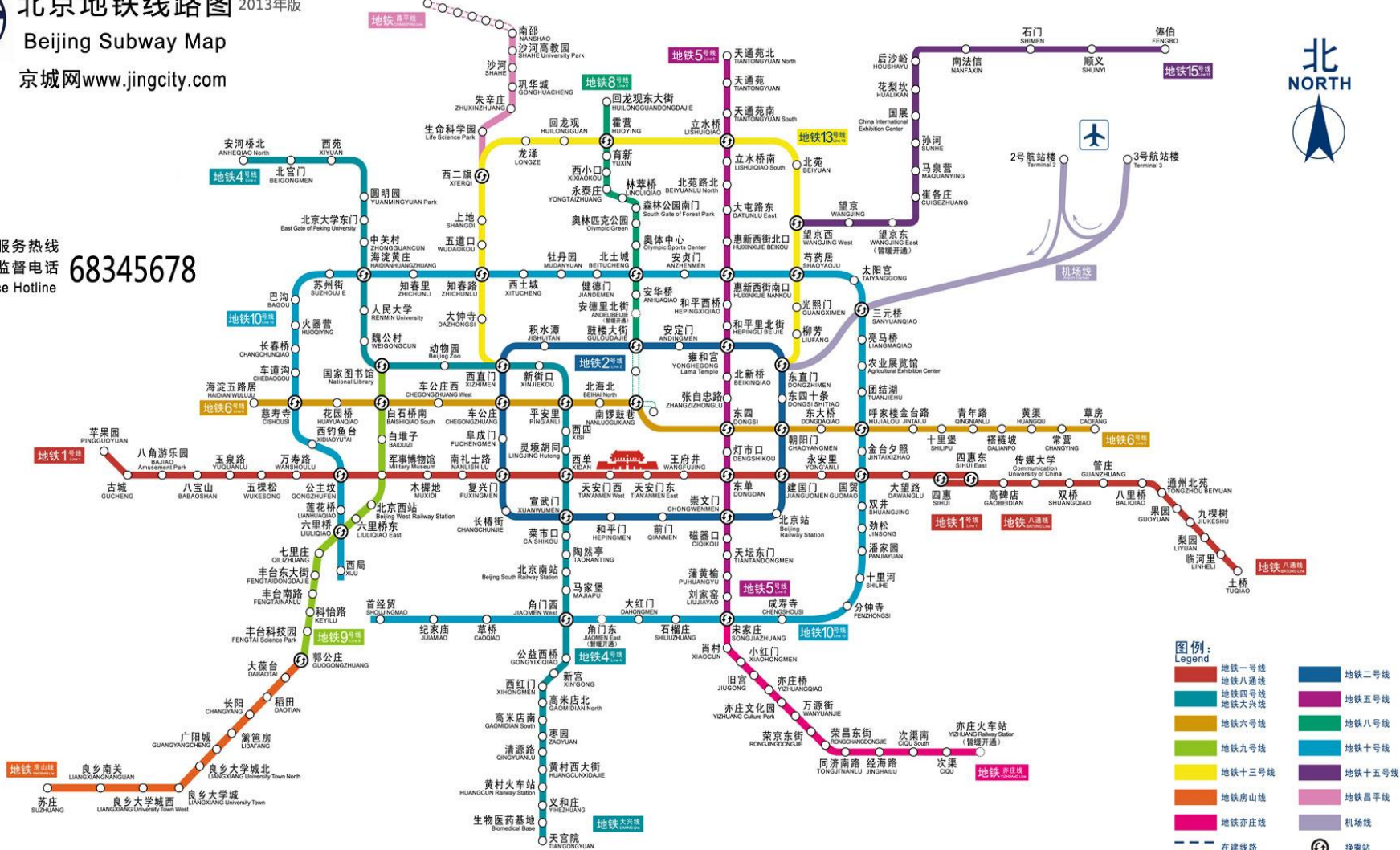
北京地铁线路图 2013年版

Beijing Subway Map

京城网www.jingcity.com

地铁服务热线
社会监督电话
Service Hotline

68345678



图例:
Legend

- 地铁一号线
- 地铁八号线
- 地铁四号线
- 地铁六号线
- 地铁九号线
- 地铁十三号线
- 地铁房山线
- 地铁亦庄线
- 在建线路
- 地铁二号线
- 地铁五号线
- 地铁八号线
- 地铁十号线
- 地铁十五号线
- 地铁昌平线
- 机场线
- 换乘站

地(dì)铁(tiě)图(tú)

huànréngzhàn

换乘站

shàngchē shàng dì tiě

上车 / 上地铁

xiàchē xià dì tiě

下车 / 下地铁



从(cóng)A到(dào) B怎(zěn)么(me)走(zǒu)?

cóng tiān ān mén dào běi jīng huǒ chē zhàn zěn me zǒu

从天安门到北京火车站怎么走?

zài tiān ān mén dōng shàng chē zuò yī hào xiàn

在天安门东上车，坐一号线。

zài jiàn guó mén huàn chéng èr hào xiàn

在建国门换乘二号线。

zài běi jīng zhàn xià chē

在北京站下车。



Thank you!

xiè xiè

谢谢



Contact: 020 7955 6253

Email: confucius.business@lse.ac.uk